

Bản án số: 44/2021/DS - PT

Ngày 15 tháng 7 năm 2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;

Ông Nguyễn Việt Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2021/TL-DSPT ngày 12 tháng 05 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS - ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐXX - PT ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; ĐKKHKT: Khu Đồng Lão, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt, tuyên án vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 8, khu 2, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

2. Bà Chủ Thị Mỹ H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 38, khu 5, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt, tuyên án vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963 và ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1960; Đều có địa chỉ: Khu Ngọc Đồng, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1959; ĐKKHKT: Tổ 2, khu 1, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu Ngọc Đồng, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và những người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L, ngày 09/02/2013 ông T và bà L có đến hỏi vay bà H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để giải quyết công việc gia đình, cam kết sẽ trả lãi suất 3%/triệu/tháng, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, gốc trả vào ngày 09/02/2014. Khi vay hai bên viết giấy biên nhận ngày 09/02/2013, ông T, bà L có ký vào giấy vay nợ.

Tuy nhiên từ ngày vay đến nay ông T bà L không trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Mạnh T và vợ là bà Đỗ Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy biên nhận ngày 09/02/2013 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 0,75 %/ tháng tính từ ngày 09/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2021 là 73 tháng 16 ngày tương đương với số tiền 110.300.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 310.300.000đ (Ba trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng). Đối với các tài liệu bà L, ông T cung cấp, với bản tự theo dõi của bà L thì bà H không chấp nhận, còn bản bà H viết tay là các khoản vay trước không liên quan gì đến khoản vay 200.000.000đ mà bà khởi kiện.

Quan điểm của bị đơn: Ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L thống nhất trình bày như sau: Bà L có vay của bà H rải rác nhiều lần từ năm 2006 đến đầu tháng 01 năm 2010, đồng thời cũng đã trả nhiều lần việc vay mượn này là bà L đứng ra vay không liên quan đến ông T. Đến 2010 hai bên có chốt lại số nợ là 140.000.000đồng. Sau đó bà L tiếp tục trả nhiều lần, mỗi lần trả bà L có theo dõi vào sổ nhưng hai bên chưa ngồi chốt lại với nhau và bà H không có giấy biên nhận gì. Gia đình bà L, ông T đã trả hết số nợ vào tháng 5/2014. Trước đó, vào năm 2013 bà H có tự viết một giấy chốt lại các khoản nợ ghi ngày 09/4/2013 (trong đó thể hiện ngày 29/12/2012 tức ngày 09/02/2013 Dương lịch ghi chuyển 60.000.000đồng lãi cộng vào gốc 140.000.000đồng vậy tổng gốc là 200.000.000đồng) và gửi lại cho ông T. Cùng ngày, bà H tự viết giấy biên nhận ghi ngày 09/02/2013 thể hiện nội dung ông T vay của bà H số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) rồi bảo ông T ký vào, bà L khi đó đi vắng cũng không được ký chỉ có ông T ký tên vào đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng chữ ký trong giấy biên nhận ngày 09/02/2013 không phải của bà L, hoặc đã lâu bà cũng không nhớ đó có phải chữ ký của bà hay không nhưng tại phiên tòa bà L khẳng định đó là chữ ký của bà. Trong thời gian còn nợ bà H trước đây, những lần bà L, ông T và các con đến trả tiền cho bà H thì bà H không viết giấy biên nhận nên không có tài liệu cung cấp nhưng bà có sổ tự theo dõi. Nay bà H khởi kiện bà L và ông T không nhất trí vì hiện nay bà L đã trả hết số nợ trên. Bà L và ông T khẳng định không có khoản vay tiền mặt 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) như giấy biên nhận ngày 09/02/2013 mà đó là do bà H chốt nợ gốc và lãi của nhiều lần lại. Khi đi trả tiền cho bà H ngoài bà L, ông T ra còn có anh Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân T là con trai và con dâu là chị Hoàng Thị T và Hà Thị N đi trả nhưng cũng không có giấy biên nhận gì.

Bà L và ông T khẳng định việc vay mượn của bà H từ năm 2006 đến năm 2010 là do bà L đứng ra vay, ông T có lần biết có lần không biết. Mục đích vay tiền để chi tiêu trong gia đình.

Về việc chữ ký của bà L trong giấy vay tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án, bà L và ông T khẳng định không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết. Còn các giấy tờ chứng cứ mà bà cung cấp cho Tòa án bà khẳng định chỉ cung cấp cho Tòa án bản phô tô, không cung cấp bản chính vì bà là người bị hại nên bà phải giữ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS- ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1, khoản 5 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L.

Buộc ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), phải trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà H, thì ngoài số tiền phải trả, ông T, bà L còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 3 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất của bà Nguyễn Thị H số tiền 110.300.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 31/3/2021 bà Nguyễn Thị Thu N và bà Chủ Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS- ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với yêu cầu về lãi suất đối với số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại.

Ngày 06/4/2021 bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Mạnh T là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS- ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn B cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm: 01 giấy ghi chi L vay 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) từ 06/02/2009 âm lịch, mặt sau có chữ ký của chị L (Bản chính); 01 quyển vở học sinh Hồng Hà có 69 tờ, có một số tờ được viết bằng bút mực hai mặt, 1 số tờ là giấy trắng trong đó tờ thứ 7 được tính từ đầu số có nội dung ghi: “ Ngày 09/4/2013 cộng sổ với anh chị....

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Mạnh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà L, ông T trình bày ông bà vay chị H nhiều lần chứ không phải

vay một lần và đã nhiều lần không có giấy tờ và đã trả hết khoản nợ với chị H, hiện không còn nợ chị H khoản nợ nào.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy ngày 09/4/2013 mà bị đơn giao nộp cho Toà án là chữ viết chữ ký của chị. Tại phiên toà chị Nguyễn Thị H và người được uỷ quyền của chị H đều thừa nhận nội dung của giấy viết ghi ngày 09/4/2013 không liên quan đến giấy viết ngày 09/02/2013 và giấy viết này là khoản tiền khác đã trả xong hết. Còn chị H và người được uỷ quyền khẳng định chỉ khởi kiện nội dung giấy viết ghi ngày 09/02/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L; bác yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Mạnh T - Là bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Toà án cấp phúc thẩm ông T, bà L đã nộp chứng cứ là bản gốc 01 quyển vở có mác Hồng Hà trong đó có một trang ghi nội dung “ Ngày 9/4/2013 cộng sổ với anh chị. Vay gốc của gì từ 2010 là 140.000.000đ từ 2010. + Trả lãi cho gì H từ ngày 14/4/2011 âm lịch, đến ngày 27/02/2013 âm lịch. Tổng 09 lần trả = 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu). Cộng lãi của gì H từ 01/10/2010 (Âm lịch) đến ngày 30/12/2012 (Âm lịch).... Ngày 29/12/2012 tức ngày 09/02/2013 dương lịch gì chuyển 60.000.000đ lãi cộng vào gốc 140.000.000đ. Vậy tổng gốc là 200.000.000đ từ ngày 09/02/2013 (+) tức 29/12/2012 âm lịch, lãi suất 3%/tháng...”. Tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy ghi ngày 09/4/2013 là của chị viết và ký. Đồng thời, chị Nguyễn Thị H và người được uỷ quyền của chị H đều khẳng định nội dung của giấy viết ghi ngày 09/4/2013 không liên quan đến giấy viết ngày 09/02/2013 và giấy viết này là khoản tiền khác ông T, bà L đã trả xong. Chị H và người được uỷ quyền của chị H khẳng định chỉ khởi kiện nội dung giấy viết ghi ngày 09/02/2013. Đối với giấy biên nhận ghi ngày 09/02/2013 “...tên tôi là Đỗ Mạnh T xóm Ngọc Đồng xã T – T.Sơn, Phú Thọ tôi có vay số tiền của gì Nguyễn Thị H: Đ/c xóm Đồng Lão, xã T – T.Sơn, Phú Thọ. Tổng cộng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn), lãi suất 3%/tháng hẹn trả lãi vào ngày 20⁺ hàng tháng, gốc trả dần vào 2014 (9/âm lịch) tức ngày 09/02/2014...”. Tại phiên toà chị Nguyễn Thị H thừa nhận cho gia đình ông T, bà L vay làm nhiều lần chứ không phải cho vay một lần với tổng số tiền là 200.000.000đ và chị H cũng thừa nhận đưa tiền cho bà L tại nhà của chị H, sau

đó chị H mới xuống nhà ông T, bà L yêu cầu viết vào giấy biên nhận (ngày 09/02/2013), chứ không phải giao tiền và viết giấy vay tiền, mà giao tiền và viết vào hai thời điểm khác nhau. Xét về thực tế và lô gic của hai giấy viết tay ghi ngày 09/02/2013 và giấy viết ngày 09/4/2013 là lô gic về thời gian, nội dung diễn giải các khoản nợ gốc và lãi. Tại giấy viết ngày 09/4/2013 chị H viết nội dung diễn giải các khoản nợ gốc từ năm 2010 là 140.000.000đ (*một trăm bốn mươi triệu*) và lãi là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thành 200.000.000đ (*Hai trăm triệu*), điều này phù hợp nội dung và số tiền của giấy viết vào ngày 29/12/2012 tức ngày 09/02/2013. Như vậy, giấy viết ngày 09/02/2013 có nội dung liên quan (có cùng nội dung) đến giấy viết vào ngày 09/4/2013. Lô gic về mặt thời gian nếu hai giấy có cùng nội dung, khi giải quyết xong giấy viết thời gian sau thì đương nhiên giấy viết thời gian trước không còn giá trị vì nó có cùng một nội dung đã được giải quyết (tức giấy viết ngày 09/4/2013 đã được giải quyết thì đương nhiên giấy viết ngày 09/02/2013 không còn). Tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền đều khẳng định chỉ khởi kiện đòi số tiền 200.000.000đ của giấy viết vào ngày 09/02/2013. Còn giấy viết 09/4/2013 ông T, bà L đã trả xong không còn nợ chị H nữa. Điều này phù hợp với lời khai của ông T, bà L và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn tại phiên toà phúc thẩm là phía gia đình bị đơn đã trả tiền cho chị H nhiều lần và nhiều người trả nhưng không có giấy biên nhận. Tại phiên toà chị H cũng thừa nhận gia đình bị đơn đã trả khoản tiền trong giấy ghi ngày 09/4/2013 đã trả trả nhiều lần và không có giấy biên nhận. Như vậy, giấy viết ngày 09/02/2013 và giấy viết ghi ngày 09/4/2013 lô gic về thời gian, nội dung diễn giải việc cộng sổ, chốt sổ phù hợp với số tiền của giấy vay ngày 09/02/2013. Do vậy, việc ông T, bà L có vay tiền của chị H nhiều lần, hai bên đã thanh toán xong. Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu gia đình ông T, bà L phải trả cho chị H khoản tiền gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu*) và lãi suất là không có căn cứ. Kháng cáo của ông T, bà L được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu N và bà Chủ Thị Mỹ H – Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn kháng cáo đối với yêu cầu về lãi xuất với số tiền vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tại mục [1] đã nêu ở trên thì kháng cáo của chị Nguyễn Thị H về lãi suất đối với khoản tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) không có căn cứ không được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Mạnh T là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định. Kháng cáo của bà L được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của chị Nguyễn Thị H không được chấp nhận, chị Hà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Mạnh T, bà Đỗ Thị L; không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, như sau:

Căn cứ Điều 37, Điều 38, khoản 1, khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4, khoản 9 Điều 26, điểm khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị L trả cho chị 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 15.515.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi không được chấp nhận. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 8.700.000đ (Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai số AA/2020/0003314 ngày 02/11/2020 và biên lai số AA/2020/0003473 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 6.815.000đ (*Sáu triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà Đỗ Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/0003474 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền